TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị C và anh Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị LTC, sinh năm 1984.

Trú tại: Bản HB, xã MB, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh TVQ, sinh năm 1985.

Trú tại: Bản HB, xã MB, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTC trình bày:

Chị và anh TVQ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, chưa đăng ký kết hôn. Đến nay thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do anh TVQ không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên

giải nhưng không khắc phục được. Từ năm 2021 hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTC xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án xử không công nhận chị và anh TVQ là vợ chồng.

Về con chung: Có hai con là TVĐ, sinh ngày 23/3/2006 và THH, sinh ngày 18/7/2009. Chị xin được nuôi dưỡng con gái, để con trai cho bố nuôi và tùy vào nguyện vọng của con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TVQ trình bày: Anh xác nhận chị LTC và anh TVQ đã sống chung như vợ chồng. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTC. Hai người có đề nghị không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có hai con là TVĐ, sinh ngày 23/3/2006 và THH, sinh ngày 18/7/2009. Anh nhất trí con trai ở với bố, con gái ở với mẹ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ chấp nhận xử không công nhận chị LTC và anh TVQ là vợ chồng.

Con chung: Giao cho anh TVQ trực tiếp nuôi dưỡng con TVĐ, sinh ngày 23/3/2006. Chị LTC trực tiếp nuôi dưỡng con THH, sinh ngày 18/7/2009. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị LTC. Bị đơn anh TVQ đều có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTC và anh TVQ lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân do anh TVQ không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường nghiện ma túy. Hiện hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị LTC và anh TVQ đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTC yêu cầu được ly hôn và anh TVQ cũng đồng ý là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử không công nhận chị LTC và anh TVQ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai con là TVĐ, sinh ngày 23/3/2006 và THH, sinh ngày 18/7/2009. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu TVĐ muốn ở với bố, cháu THH muốn ở với mẹ. Cần giao con TVĐ cho anh TVQ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị LTC trực tiếp nuôi dưỡng con THH. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lèo Thị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử không công nhận chị LTC và anh TVQ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh TVQ trực tiếp nuôi dưỡng con TVĐ, sinh ngày 23/3/2006. Chị LTC trực tiếp nuôi dưỡng con THH, sinh ngày 18/7/2009. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003367 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị LTC, anh TVQ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUÊN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.